

Bản án số: 71/2025/DS-ST

Ngày: 24/7/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Hữu Phước;

2. Bà Nguyễn Thị Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Trúc Quỳnh – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4
- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 23 và ngày 24 tháng 7 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 670/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đỗ Văn Đ**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: A Á, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: A Á, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Hữu T, sinh năm 1991 hoặc ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1997;

Địa chỉ: A Á, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Địa chỉ theo thông tin cũ: A Á, Phường B, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 025527, quyền số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 20/9/2024 tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông T có mặt, ông C có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Võ Thành C1**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: B N, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 204 N, phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Thành N, sinh năm 1976;

Địa chỉ: E T, xã Đ, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Địa chỉ theo thông tin cũ: 518 T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh);

(Đại diện theo Giấy ủy quyền số công chứng 000590, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/02/2025 tại Văn phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh).

(Ông N có mặt khi xét xử và vắng mặt không có lý do khi tuyên án).

Người làm chứng:

1. Ông Võ Thanh S, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 1 Đ, phường K, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ theo thông tin cũ: 1 Đ, Phường A, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Ông S vắng mặt).

2. Công ty TNHH Q;

Trụ sở: 194CD N, phường R, tỉnh An Giang;

Trụ sở theo thông tin cũ: 194CD N, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thanh P, sinh năm 1982;

Địa chỉ: D T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ theo thông tin cũ: D T, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Ông P có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 20/9/2024 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ là ông Trần Hữu T trình bày:

Ngày 01/8/2016, ông Đỗ Văn Đ (sau đây gọi tắt là ông Đ) và ông Võ Thành C1 (sau đây gọi tắt là ông C1) đã thỏa thuận và ký Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 (sau đây gọi tắt là *Hợp đồng vay tiền*), theo đó ông Đ cho ông

C1 vay 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất 01%/tháng, hợp đồng vay không có thời hạn, hợp đồng này được lập thành văn bản. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Đ không thực hiện giao tiền vay cho ông C1, thay vào đó ông Đ đã thanh toán các khoản tiền để mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà xưởng thuộc Công ty TNHH P1 (sau đây gọi tắt là Công ty P1) theo đúng thỏa thuận với ông C1 trước đó (thỏa thuận miệng có sự chứng kiến của ông Võ Thành S1, ông C1 vay tiền để góp vốn vào Công ty P1). Sau đó, ông C1 đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi cho ông Đ theo đúng thỏa thuận tại Hợp đồng vay tiền.

Tuy nhiên, từ tháng 04/2021 đến nay, ông C1 không thực hiện nghĩa vụ trả tiền lãi vay cũng không trả nợ gốc là số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng. Mặc dù ông Đ đã nhiều lần yêu cầu ông C1 trả nợ gốc và lãi vay, ông C1 xác nhận có nợ ông Đ số tiền nêu trên cùng lãi suất là 1%/ tháng tại buổi họp Hội đồng thành viên Công ty ngày 15/8/2022. Nhưng đến nay, ông C1 tìm đủ mọi lý do để thoái thác nghĩa vụ của mình.

Tuy đã cố gắng bằng nhiều cách thức làm việc để yêu cầu ông C1 trả tiền và lãi vay, ông Đ cũng đã có thiện chí đề xuất giảm lãi vay cho ông C1, để tạo điều kiện cho ông C1 thực hiện nghĩa vụ nhưng ông C1 vẫn không hợp tác. Đến ngày 16/6/2023, ông Đ đã gửi giấy xác nhận nợ (lần đầu) cho ông C1 theo địa chỉ 107/80/1 T, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh và đã được vợ ông C1 là bà Đỗ Quý D nhận ngày 18/6/2023, theo đó, ông Đ yêu cầu ông C1 xác nhận và phản hồi lại cho ông Đ về khoản nợ trước ngày 30/6/2023, tuy nhiên hết thời hạn trên ông C1 vẫn không có sự phản hồi nào đối với yêu cầu này. Sau đó, ông Đ tiếp tục gửi Giấy xác nhận nợ (lần 2) nhưng ông C1 đã từ chối nhận thư, trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

Nhận thấy, ông C1 cố tình trốn tránh thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, lãi vay theo thỏa thuận, ông Đ đã gửi Thông báo chấm dứt Hợp đồng cho vay tiền, yêu cầu ông C1 trả tiền nhưng vẫn không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ phía ông C1. Hành vi của ông C1 đã vi phạm Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 làm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, số tiền nợ gốc và tiền lãi từ tháng 04/2021 đến nay vẫn chưa thể lấy lại được.

Do đó, để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, ông Đ khởi kiện, đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết những yêu cầu sau:

- Buộc ông Võ Thành C1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016, số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng;

- Buộc ông Võ Thành C1 thực hiện nghĩa vụ trả lãi theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016, thời gian trả lãi được tính từ ngày 01/4/2021 cho đến khi ông Võ Thành C1 trả hết số tiền vay. Số tiền lãi vay tạm tính từ ngày 01/4/2021

đến tháng 12/2024 là 44 tháng là 110.000.000 (Một trăm mười triệu) đồng.

Tổng số tiền yêu cầu Tòa án buộc ông Võ Thành C1 phải trả cho ông Đỗ Văn Đức T1 đến thời điểm ngày 05/12/2024 là 360.000.000 (Ba trăm sáu mươi triệu) đồng.

Tại Bản tự khai ngày 27/3/2025 và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Võ Thành C1 là ông Đặng Thành N trình bày:

Vào năm 2015, ông C1 có đồng ý góp vốn cùng với các thành viên là Công ty TNHH Q (do ông Đỗ Văn Đ làm đại diện) và ông Võ Thanh S để thành lập Công ty P1 theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0313458077 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố H cấp đăng ký lần đầu ngày 25/9/2015, vốn điều lệ ghi nhận là 1.000.000.000 đồng (Một tỷ) đồng, ông C1 được ghi nhận trên giấy chứng nhận số vốn góp là 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng (tương đương 20% vốn điều lệ). Để có tiền góp vốn theo tỷ lệ nói trên, ông Đ đồng ý cho ông C1 vay số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, tuy nhiên số tiền này ông Đ không chuyển giao tiền trực tiếp cho ông C1 mà chuyển vào tài khoản tiền mặt của Công ty P1 để đầu tư phục vụ cho hoạt động của Công ty P1. Theo đó, trên thực tế ông C1 không ký hợp đồng vay tiền nào với ông Đ và không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Đ.

Trong hồ sơ vụ án, ông Đ có cung cấp cho Tòa án bản phô tô Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 01/08/2016, tuy nhiên ông C1 không ký hợp đồng này, chữ ký của ông C1 trên hợp đồng là do ông Đ chèn hình ảnh chữ ký của ông C1 vào hợp đồng mẫu trên máy tính rồi in ra tự viết tay và ký tên ông Đ vào bên cho vay (có nghĩa là chữ ký trên hợp đồng vay tiền ông Đ cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký sống của ông C1).

Nay ông Đ khởi kiện ông C1 tại Tòa án yêu cầu trả số tiền cho vay 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 04/2021 đến ngày 01/10/2024 với tổng số tiền là: 355.000.000 đồng là không có căn cứ. Theo đó, ông C1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ buộc ông C1 trả khoản nợ nói trên bởi vì thực tế ông C1 không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Đ và sổ sách kế toán cũng như báo cáo tài chính của Công ty P1 không có bút toán nào thể hiện việc ông Đ đã nộp tiền góp vốn cho ông C1 để đầu tư kinh doanh tại công ty.

Sau đó trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, phía người đại diện theo ủy quyền của ông C1 xác nhận ông C1 có ký vào Hợp đồng cho vay tiền đề ngày 01/08/2016, ông C1 cũng đã thanh toán tiền lãi cho ông Đ tổng cộng 80.000.000 đồng, lãi suất 1%/năm từ tháng 8/2016 đến tháng 5/2021 thì ông C1 không thanh toán lãi. Lý do của việc thanh toán lãi là do ông C1 tin tưởng vào việc ông Đ đã

chuyển tiền vào phần góp vốn thành lập của Công ty P1 nhưng sau đó thì ông C1 được biết là không có việc này.

Ông C1 không có ý kiến và không yêu cầu Tòa án thực hiện việc giám định chữ ký của ông C1 trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 và không có tranh chấp đối với số tiền lãi mà ông C1 đã thanh toán cho ông Đ thời gian trước đây.

Do đó, ông Đ khởi kiện ông C1 tại Tòa án có thẩm quyền để yêu cầu ông C1 trả số tiền cho vay 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi phát sinh tạm tính từ tháng 04/2021 đến ngày 01/10/2024 với tổng số tiền là: 355.000.000 đồng là không có căn cứ.

Nên ông C1 đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc buộc ông C1 trả khoản nợ nói trên bởi vì thực tế ông C1 không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Đ và sổ sách kế toán cũng như báo cáo tài chính của Công ty P1 không có bút toán nào thể hiện việc ông Đ đã nộp tiền góp vốn cho ông C1 để đầu tư kinh doanh tại công ty.

Tại phiên tòa,

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Hữu T trình bày:

Nguyên đơn ông Đ và bị đơn ông C1 có ký kết Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 với số tiền vay là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, lãi suất 01%/tháng mục đích của việc vay tiền là góp vốn vào hoạt động của nhà xưởng thuộc Công ty P1. Sau khi ký kết hợp đồng, ông Đ không thực hiện giao tiền vay cho ông C1, thay vào đó ông Đ sử dụng số tiền này để thanh toán các khoản tiền để mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà xưởng thuộc Công ty P1 theo đúng thỏa thuận miệng giữa hai bên (thỏa thuận này có sự chứng kiến của ông Võ Thành S1) và ông C1 hoàn toàn biết việc này. Theo đó, ông C1 đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi vay như nội dung hợp đồng đã ký đến hết tháng 04/2021 và sau đó ông C1 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho ông Đ và không nói lý do.

Mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở ông C1 phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ông Đ nhưng ông C1 luôn cố tình trốn tránh. Do đó, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án buộc ông C1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 các khoản tiền cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng;
- Số tiền lãi vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016, thời gian trả lãi được tính từ ngày 01/5/2021 cho đến khi ông C1 trả hết số tiền vay. Số tiền

lãi vay tạm tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 23/7/2025 là 126.854.838 (Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi tám) đồng.

Tổng số tiền nguyên đơn ông Đ yêu cầu bị đơn ông C1 phải thanh toán cho ông Đ là 376.854.834 (Ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi bốn) đồng. Nguyên đơn yêu cầu ông C1 phải thanh toán một lần toàn bộ số tiền trên ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Đặng Thành N trình bày:

Bị đơn ông C1 xác nhận có ký kết Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 để vay số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng với mục đích vay là góp vốn thành lập Công ty P1. Nguyên đơn trình bày rằng số tiền này nguyên đơn không chuyển giao tiền trực tiếp cho ông C1 mà chuyển vào tài khoản tiền mặt của Công ty P1 để đầu tư phục vụ cho hoạt động của Công ty P1. Tại hợp đồng đã ký, ông Đ và ông C1 thỏa thuận về thời hạn giao tiền thành 02 đợt bằng hình thức chuyển khoản hoặc giao tiền mặt (đợt 1 là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng và đợt 2 là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng) nhưng nguyên đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh nguyên đơn đã thực hiện việc chuyển tiền vào tài khoản Công ty P1, đồng thời trên thực tế ông C1 không nhận bất kỳ khoản tiền nào từ ông Đ.

Do đó, bị đơn ông C1 yêu cầu Tòa án không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ đã trình bày. Ngoài ra, bị đơn ông C1 không có tranh chấp về số tiền lãi mà bị đơn đã thanh toán trước đây cho nguyên đơn ông Đ cũng như không yêu cầu giám định chữ ký trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Sau khi được phân công, thẩm phán đã tiến hành lập hồ sơ; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và xác định tư cách đương sự, quan hệ tố tụng giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ, Yêu cầu đương sự nộp tài liệu, chứng cứ; Toà án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải theo quy định; Cấp, tổng đạt và thông báo cho đương sự các văn bản tố tụng quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Qua đó, cho thấy Tòa án đã thu thập đầy đủ tài liệu, chứng cứ giải quyết vụ án tuy nhiên còn vi phạm thời hạn giải quyết vụ án.

Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng: Không có.

Về nội dung: Trong suốt quá trình tố tụng, bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không có yêu cầu giám định chữ ký, không tranh chấp về số tiền lãi 80.000.000 đồng đã trả cho nguyên đơn trước đó và không đưa ra chứng cứ chứng minh giữa hai bên không có quan hệ vay mượn, không có việc giao nhận tiền như nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định giữa ông Đ và ông C1 đã xác lập quan hệ hợp đồng vay tài sản, ông C1 đã thực hiện nghĩa vụ trả lãi trong nhiều năm, sau đó vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Do bị đơn ông C1 không thực hiện đúng theo cam kết, là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ. Do đó, yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc yêu cầu ông C1 trả số tiền vay mượn như đã nêu trên là có căn cứ chấp nhận.

Về nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi: Về tiền gốc: Hợp đồng thể hiện khoản vay 250.000.000 đồng. Ông C1 chưa trả gốc, nghĩa vụ trả gốc vẫn còn tồn tại. Về tiền lãi: Hợp đồng quy định lãi suất 1%/tháng (tương đương 12%/năm), phù hợp giới hạn pháp luật. Theo khoản 2 Điều 468 BLDS 2015, lãi suất thỏa thuận như trên là hợp pháp.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn ông Võ Thành C1 phải thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng và tiền lãi theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016. Do đó, có cơ sở xác định đây là quan hệ tranh chấp về hợp đồng vay tài sản giữa ông Đỗ Văn Đ và ông Võ Thành C1.

Theo Phiếu xác minh ngày 28/11/2024 tại Công an P2, quận T (nay là Phường T), Thành phố Hồ Chí Minh có kết quả bị đơn ông Võ Thành C1 có hộ khẩu thường trú tại B N, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, tuy bị đơn không thực tế cư trú tại địa chỉ trên nhưng bị đơn không phủ nhận địa chỉ này và sử dụng thông tin này để ủy quyền cho ông Đặng Thành N là người đại diện hợp pháp tham gia tố tụng. Như vậy, ông C1 xác nhận địa chỉ B N, Phường G, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là địa chỉ cư trú của ông C1.

Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Văn Đ thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình (nay

là Tòa án nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh)

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh: Do Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Căn cứ Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 xác định nguyên đơn là ông Đỗ Văn Đ và bị đơn là ông Võ Thanh C1.

Căn cứ Giấy ủy quyền số công chứng 025527, quyền số 09/2024 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C2, Thành phố Hồ Chí Minh thì việc ủy quyền là hợp pháp, nên ông Trần Hữu T, ông Nguyễn Văn C có đủ tư cách đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ tham gia tố tụng tại Tòa án.

Căn cứ Giấy ủy quyền số công chứng 000590, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C3, Thành phố Hồ Chí Minh thì việc ủy quyền là hợp pháp, nên ông Đặng Thành N có đủ tư cách đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người làm chứng Công ty TNHH Q có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Võ Thanh S vắng mặt và các đương sự đã cung cấp ý kiến trình bày nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về nội dung:

4.1 Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông C1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016, số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 do nguyên đơn ông Đ cung cấp là bản chính có chữ ký của bên cho vay là ông Đ và bên vay là ông C1 có nội dung thể hiện số tiền vay, lãi suất, phương thức thực hiện rõ ràng, phù hợp với quy định pháp luật. Mặc dù tại Bản tự khai ngày 27/3/2025 và trong quá trình hòa giải, bị đơn ông C1 cho rằng chữ ký của ông C1 trong Hợp đồng ngày 01/8/2016 bị giả mạo, không phải của ông C1 nhưng sau đó trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ và tại phiên tòa ngày 23 tháng 7 năm 2025, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi ý kiến trình bày, xác nhận chữ ký trong Hợp đồng ngày 01/8/2016 là của ông C1, không có tranh chấp và không có yêu cầu giám định đối với chữ ký của ông C1. Như vậy, có cơ sở xác nhận giữa nguyên đơn ông Đ và bị đơn ông C1 đã ký kết Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016, số tiền vay 250.000.000 đồng, lãi suất 1%/tháng.

Theo lời trình bày phía nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận, sau khi ký Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 thì ông C1 có thực hiện việc thanh toán tiền lãi với lãi suất 1%/tháng đối với số tiền vay 250.000.000 đồng trong thời gian từ tháng 8/2016 đến hết tháng 4/2021 với số tiền là 250.000.000 đồng x 1%/tháng x 32 tháng = 80.000.000 (Tám mươi triệu) đồng. Sau đó từ tháng 5/2021 ông C1 không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi cho ông Đ cho đến nay.

Tại Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15/8/2022 của Công ty P1 có sự tham gia của ông Võ Thanh S, ông C1 và Công ty TNHH Q – do ông Đ làm đại diện, có nội dung: “*Ông Võ Thành Công N1 ông Đỗ Văn Đ số tiền 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng chẵn) với lãi suất 1%/tháng*”, điều này thể hiện bị đơn thừa nhận có nợ nguyên đơn 250.000.000 đồng và phù hợp với Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 cũng như quá trình thanh toán tiền lãi từ tháng 8/2016 đến tháng 4/2021 của bị đơn đã thực hiện trước đó.

Do đó, dù trên thực tế bên cho vay là nguyên đơn ông Đ dù không có trực tiếp giao 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng cho bên vay là ông C1, nhưng theo sự thỏa thuận miệng của hai bên dưới sự làm chứng của ông Võ Thanh S thì ông Đ – đại diện cho Công ty P1 và sự xác nhận gián tiếp của ông Công bằng việc ký vào Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15/8/2022 của Công ty P1 cũng như quá trình thanh toán tiền lãi trong thời gian 32 tháng của bị đơn đã thể hiện bị đơn biết, xác nhận việc sử dụng khoản tiền vay 250.000.000 đồng từ ông Đ dưới hình thức góp vốn vào Công ty P1 để Công ty P1 TANI thanh toán các khoản tiền mua trang thiết bị phục vụ cho hoạt động của nhà xưởng thuộc Công ty P1 đúng như theo thỏa thuận trước đó của hai bên dưới sự làm chứng của ông S.

Như vậy, đủ cơ sở để khẳng định Hợp đồng vay tiền ngày 01/8/2016 được hai bên tự nguyện giao kết, không bị ép buộc và trên thực tế hai bên đã thực hiện những nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tiền là ông Đ chuyển giao tài sản bằng hình thức góp vốn, ông C1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền lãi và vốn nhưng vì ông C1 không thực hiện nghĩa vụ của người vay tiền từ tháng 5/2021 đến nay (mặc dù đã có xác nhận nợ bằng việc ký vào Biên bản họp hội đồng thành viên ngày 15/8/2022 của Công ty P1) đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn ông Đ yêu cầu bị đơn ông C1 thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016, số tiền là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

4.2 Đối với yêu cầu Tòa án buộc ông C1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi vay theo Hợp đồng ngày 01/8/2016, thời gian trả lãi được tính từ ngày 01/5/2021 cho đến khi ông C1 trả hết số tiền vay. Số tiền lãi vay tạm tính từ ngày 01/5/2021 đến ngày 23/7/2025 là 126.854.838 (Một trăm hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi tám) đồng, Hội đồng xét

xử nhận định:

Về lãi suất, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn xác nhận việc bị đơn đã thanh toán tiền lãi cho nguyên đơn từ tháng 8/2016 đến tháng 4/2021 với lãi suất 1%/tháng. Như vậy, phía bị đơn ông C1 đã thừa nhận lãi suất vay giữa hai bên là 1%/tháng nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền nợ cho nguyên đơn ông Đ như đã thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016 đã ký. Do đó nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi theo lãi suất 01%/tháng (tương đương với 0.033%/ngày) trên số tiền nợ gốc là 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng tương ứng với thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán tạm tính từ ngày 01/05/2021 (thời gian bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán lãi theo hợp đồng đã thỏa thuận) đến ngày 23/7/2025 (ngày xét xử sơ thẩm vụ án) là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định pháp luật.

Theo đó, số tiền lãi bị đơn chịu trách nhiệm phải thanh toán cho nguyên đơn là: $250.000.000 \text{ đồng} \times 1.544 \text{ ngày} \times 0.033\%/\text{ngày} = 127.380.000 \text{ đồng}$;

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có trình bày về số tiền tính lãi, lãi suất và thời hạn tính lãi nhưng số tiền lãi nguyên đơn yêu cầu là 126.854.838 đồng là có lợi cho bị đơn, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy tổng cộng số tiền bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn bao gồm cả tiền nợ gốc và nợ lãi là: $250.000.000 \text{ đồng} + 126.854.838 \text{ đồng} = 376.854.838$ (Ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi bốn) đồng.

Phương thức và thời hạn thanh toán: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng đã được ký kết giữa hai bên gây ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên cần buộc bị đơn thanh toán một lần toàn bộ số tiền gốc và lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Võ Thành C1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 111, khoản 13 Điều 114, Điều 128, Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Căn cứ vào Điều 288, Điều 357, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468

Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đỗ Văn Đ:

- Buộc bị đơn ông Võ Thành C1 phải trả cho ông Đỗ Văn Đ số tiền 376.854.834 (Ba trăm bảy mươi sáu triệu tám trăm năm mươi bốn nghìn tám trăm ba mươi bốn) đồng để chấm dứt nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cho vay tiền ngày 01/8/2016.

- Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần toàn bộ số tiền ngay sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

- Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 18.842.741 (Mười tám triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi một) đồng do bị đơn ông Võ Thành C1 chịu.

- Ông Đỗ Văn Đ do là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí và được miễn theo Thông báo miễn nộp tiền tạm ứng án phí số 113/TB-TA ngày 01/11/2024 nên ông Đ được miễn án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND KV4 – TP.Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.Hồ Chí Minh;
- Cục Thi hành án dân sự TP.Hồ Chí Minh;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Lan Ngọc

